

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/8/2024

V/v: ly hôn, tranh chấp

về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huy

2. Ông Phạm Nhật Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan

Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Cao Hồng Minh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Vi Thúy D - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản X, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Hà Xuân D - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản X, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị Vi Thúy D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hà Xuân D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2024, Bản tự khai ngày 06/6/2024, ngày 04/7/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vi Thúy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Xuân D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn vào ngày 02/7/2012. Quá trình

chung sống vợ chồng bình thường đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, dần dần hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn thường xuyên và ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh D đã ly thân kể từ năm 2015 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung Hà Sơn T, sinh ngày 04/4/2012 và Hà Sơn L, sinh ngày 16/4/2015. Khi ly hôn, chị D đề nghị giao hai con chung Hà Sơn T và Hà Sơn L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi cháu một tháng 1.725.000 đồng (hai cháu là 3.450.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Vi Thúy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thúy D đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Vi Thúy D còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân của chị D (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh cháu Hà Sơn T và Hà Sơn L (bản sao); Xác nhận thông tin nơi cư trú; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Bản tự khai của cháu Hà Sơn L.

* *Về bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh D không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh D để lấy lời khai của anh.

* *Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2024*, bà Vi Thị X là mẹ ruột anh Hà Xuân D, cho biết:

Về hôn nhân: Chị D và anh D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo vào năm 2012. Sau khi kết hôn, chị D, anh D sinh sống cùng gia đình bà tại Bản X, xã N, huyện Q. Quá trình chung sống, thời gian đầu hoàn toàn bình thường đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị D, anh D đã ly thân kể từ năm 2015. Nay chị D xin ly hôn anh D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị D, anh D có hai con chung là Hà Sơn T, sinh năm 2012 và Hà Sơn L, sinh năm 2015. Hiện hai cháu đang sống cùng anh D và gia đình bà.

Nếu ly hôn thì nguyện vọng của gia đình là giao hai cháu cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng thì theo quy định pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và ý kiến của anh D: Bà đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh D và đã thông báo lại ngay cho anh D. anh D đã biết chị D khởi kiện ly hôn và nuôi con chung nhưng vì anh D đang đi làm xa nên không về được. Quan điểm của anh D là đồng ý ly hôn với chị D, đồng ý việc chị D giao hai con chung là Hà Sơn T và Hà Sơn L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị D đề nghị; anh D cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ.

Ngoài ra, bà X giao nộp cho Tòa án bản tự khai của cháu Hà Sơn T.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 30/7/2024*, bà Phạm Thị N là mẹ ruột chị D, cho biết:

Về hôn nhân: Chị D, anh D kết hôn tự nguyện vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo. Sau khi kết hôn thì chị D và anh D sinh sống cùng gia đình bà X tại Bản 83, xã Na Mèo. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng chị D, anh D có xảy ra một số mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống. Hiện chị D và anh D đã ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay chị D xin ly hôn anh D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị D, anh D có hai con chung là Hà Sơn T, sinh năm 2012 và Hà Sơn L, sinh năm 2015. Nay chị D xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Vi Thúy D đối với bị đơn anh Hà Xuân D và giao con chung của anh, chị là Hà Sơn T và Hà Sơn L cho anh D có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về án phí, chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Vi Thúy D và anh Hà Xuân D các văn bản tố tụng của Tòa án; chị D có đơn xin xét xử vắng

mặt, anh D vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh D.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thúy D và anh Hà Xuân D tự nguyện kết hôn ngày 02/7/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị D và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hà Xuân D.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện 27/5/2024, Bản tự khai ngày 06/6/2024, bản tự khai ngày 04/7/2024; Biên bản xác minh lấy ý kiến của mẹ ruột anh D là bà Vi Thị X và mẹ ruột chị D là bà Phạm Thị N mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị D, anh D thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay chị D có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị D đối với anh D.

[4] Về con chung: Chị D và anh D có hai con chung là Hà Sơn T, sinh ngày 04/4/2012 và Hà Sơn L, sinh ngày 16/4/2015. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng của chị D về trách nhiệm nuôi con:

Qua chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án, HĐXX thấy rằng, nguyện vọng của chị D là chính đáng, phù hợp; việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho các cháu. Hiện hai cháu Hà Sơn T và Hà Sơn L đang học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ, đang sinh sống cùng anh D và gia đình bố mẹ ruột anh D, các cháu đều có nguyện vọng muốn ở cùng anh D như trong bản tự khai của các cháu. Do vậy, giao con chung Hà Sơn T và Hà Sơn L cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của cháu.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị D; Giao cháu Hà Sơn T, sinh ngày

04/4/2012 và Hà Sơn L, sinh ngày 16/4/2015 là con chung của chị D, anh D cho anh D có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi cháu một tháng là 1.725.000 đồng (hai cháu là 3.450.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Việc chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ, trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mức cấp dưỡng do chị D đề nghị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của khu vực kinh tế, xã hội nơi chị D đang sinh sống, phù hợp với thu nhập của bản thân. Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị D về việc chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi cháu một tháng 1.725.000 đồng (hai cháu là 3.450.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Vi Thúy D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thúy D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thúy D được ly hôn anh Hà Xuân D.

Về con chung: Giao cho anh Hà Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hà Sơn T, sinh ngày 04/4/2012 và Hà Sơn L, sinh ngày 16/4/2015. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D mỗi cháu một tháng là

1.725.000 đồng (hai cháu là 3.450.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Chị Vi Thúy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vi Thúy D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002503, ký hiệu BLTU/23 ngày 04/6/2024. Chị D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Na Mèo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng